

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/DS-ST

Ngày: 26-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-TÂY NINH****

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tổng Hoàng Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân **khu vực 11-Tây Ninh.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân **khu vực 11-Tây Ninh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quấn Thị Kim D, sinh năm 1989; cư trú tại: tổ D, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là tổ D, khu phố D, xã T, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị D1, sinh năm 1993; cư trú tại: tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là tổ D, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Quấn Thị Kim D trình bày:

Chị Trịnh Thị D1 có vay của chị tổng số tiền 100.000.000 đồng, vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 28/10/2023 chị có cho chị Danh số tiền 60.000.000 đồng, có làm giấy tờ do chị D1 viết, có ký tên và ghi họ tên của chị D1. Chị D1 hẹn 03 tháng sau sẽ trả cho chị, lãi suất thoả thuận miệng là 4%/tháng (2.400.000 đồng/tháng)

- Lần thứ hai: Ngày 23/11/2023 chị có cho chị D1 vay số tiền 40.000.000 đồng, có làm giấy tờ do chị D1 viết, có ký tên và ghi họ tên của chị D1. Chị D1 hẹn 02 tháng sau sẽ trả, lãi suất thoả thuận miệng là 4%/tháng (1.600.000 đồng/tháng).

Đối với số tiền 60.000.000 đồng thì chị D1 trả cho chị được số tiền lãi 03 tháng số tiền 2.400.000 đồng/tháng x 3 tháng = 7.200.000 đồng.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng/tháng chị D1 trả cho chị được số tiền lãi 1.600.000 đồng x 02 tháng = 3.200.000 đồng.

Về tiền gốc: do chị D1 không có tiền trả cho chị nên chị D1 có thanh lý cho chị một số vật dụng mà chị D1 sử dụng, chị D1 quy ra số tiền 8.300.000 đồng. Chị tự trừ số tiền 8.300.000 đồng vào tiền gốc, 100.000.000 đồng – 8.300.000 đồng = 91.700.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị D1 trả cho chị số tiền 91.700.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trịnh Thị D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị D1 vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Quản Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trịnh Thị D1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **khuvực 11-Tây Ninh** phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quản Thị Kim D đối với chị Trịnh Thị D1 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc chị Trịnh Thị D1 trả cho chị Quản Thị Kim D số tiền 91.700.000 đồng, ghi nhận chị D không yêu cầu tính lãi. Về án phí: Chị Trịnh Thị D1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Chị Quản Thị Kim D khởi kiện chị Trịnh Thị D1, địa chỉ: **tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh)** yêu cầu trả số tiền vay. **Căn** cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân **khu vực 11-Tây Ninh**.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về địa chỉ nơi cư trú xác định chị **D1** vắng mặt tại nơi cư trú tại: **tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là tổ D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh)** và không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, không xác định thời điểm trở về nên không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho chị **D1**. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị **D1** để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị **D1** vắng mặt không có lý do. Chị **D1** có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được trong

hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Chị **D1** phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Chị Quản Thị Kim D cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 02 (hai) “Giấy vay tiền” ngày 28/10/2023 và ngày 23/11/2023, nội dung thể hiện bên cho vay chị Trịnh Thị D1, tổng số tiền vay 100.000.000 đồng; bên vay chị Trịnh Thị D1, có chữ ký, chữ viết họ tên “Trịnh Thị D1”. Chị D1 đã trả được số tiền gốc 8.300.000 đồng, còn lại 91.700.000 đồng. Lời trình bày của chị D phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên là sự thật.

Chị Trịnh Thị D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, địa điểm trả nợ của bên vay. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, buộc chị D1 có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền vay 91.700.000 đồng.

[2.2] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quản Thị Kim D buộc chị Trịnh Thị D1 có nghĩa vụ trả số tiền vay 91.700.000 đồng. Ghi nhận chị D không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trịnh Thị D1 phải chịu 4.585.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quản Thị Kim D đối với chị Trịnh Thị D1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Trịnh Thị D1 có nghĩa vụ trả cho chị Quản Thị Kim D số tiền vay 91.700.000 (chín mươi một triệu bảy trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị D không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Trịnh Thị D1 phải chịu 4.585.000 (bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Quản Thị Kim D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.292.000 (hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn) đồng chị D đã nộp theo biên lai thu số 0002224 ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương